TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số:53/2020/DSPT
Ngày: 16/6/2020
"V/v Tranh quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Bùi Thị Cẩm Thúy
- *Các thẩm phán:* Bà Trương Thị Liên
Ông Trần Tuấn Quốc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 226/2019/DSST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:29/2020/QĐPT – DS ngày 03 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nông nghiệp C (Công ty TNHH MTV Nông nghiệp C).

Địa chỉ trụ sở: Ấp 1, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ

Người đại diện theo ủy quyền của công ty: Ông Trần Hoàng N, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: Ấp 3, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ, là đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền ngày 12/03/2020 (có mặt)

2.Bị đơn:

2.1. Ông Đinh Văn D sinh năm 1969

2.2. Bà Nguyễn Thị Bé S sinh năm 1971.

Cùng nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ

Người đại diện hợp pháp của ông D: Bà Nguyễn Thị Bé S là đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền số 11 ngày 25/3/2019 (có mặt)

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Đỗ Thị H sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt)

Do có kháng cáo của bị đơn ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị Bé S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/8/2019 nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nông nghiệp C trình bày và yêu cầu: Vào khoảng năm 2012 nguyên đơn phát hiện ông Đinh Văn D vợ là bà Nguyễn Thị Bé S bao chiếm phần đất của Công ty để cất nhà ở, diện tích lúc đó khoảng 1.000m^2 thuộc khu Nhà máy nước đá cũ, sau đó lại bao chiếm luôn phần đất lân cận. Đến năm 2018 vợ chồng ông D tháo dở nhà cũ xây dựng nhà mới trái phép trên phần đất của Công ty. Công ty đã nhiều lần lập biên bản yêu cầu vợ chồng ông D ngưng xây dựng nhưng vợ chồng ông D vẫn cố tình thực hiện xây dựng xong căn nhà. Do vậy Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét buộc vợ chồng ông D tháo dở di dời tài sản trên đất để trả đất lại cho Công ty. Phần đất đang tranh chấp theo thực tế đo đạc hiện nay là 1.932,8 m^2. Trong quá trình giải quyết phía Công ty đồng ý hổ trợ chi phí di dời cho vợ chồng ông D số tiền là 109.000.000đ (tương đương 20% giá trị tài sản trên đất).

Bị đơn ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị Bé S thống nhất trình bày: Vào năm 1996 ông bà được Nông trường C (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nông nghiệp C) giao khoán đất để sản xuất lúa nhưng sau đó thu hồi đất lại. Sau khi trả đất theo hợp đồng khoán thì ông bà được Nông trường cho cất nhà ở trên phần đất thuộc khu vực Nhà máy nước đá cũ. Diện tích ban đầu ông bà sử dụng khoảng 1.000 m^2 sau đó sang lấp thêm nên diện tích theo thực tế đo đạc hiện nay là 1.932,8 m^2. Đến tháng 6/2018 nhà cũ xuống cấp hư hỏng nặng nên ông bà xây dựng nhà kiên cố để ở. Quá trình xâu dựng Công ty có ngăn cản không cho làm thay đổi hiện trạng sử dụng đất và không được xây dựng nhà, tuy nhiên nhà cũ không còn ở được nên bà phải cất nhà mới để ở. Đối với yêu cầu khởi kiện của công ty thì ông bà có ý kiến như sau: Yêu cầu được ổn định sử dụng phần đất có căn nhà và chuồng trại, phần còn lại đồng ý trả cho Công ty. Trường hợp phải di dời tài sản trên đất để trả đất lại thì Công ty phải hỗ trợ cho ông bà số tiền 900.000.000đ và cấp lại một nền nhà tái định cư cho ông bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H trình bày: khoảng tháng 6/2018 bà có nhận chuyển nhượng một nền nhà diện tích ngang 10m dài 25m, giá là 80.000.000đ, chi phí bồi đấp thêm khoảng 6.000.000đ. Quá trình sử dụng đất công ty không cho xây cất nhà và có yêu cầu trả lại đất. Hiện nay phần đất này bà đã trả lại cho Công ty. Bà không có ý kiến hay tranh chấp gì trong vụ kiện này.

Tại bản án số 226/2019/DSST ngày 08 tháng 11 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ đã xét xử và Quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nông nghiệp C về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị Bé S.

Buộc ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị Bé S phải tháo dở di dời tài sản trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nông nghiệp C phần đất diện tích 1.932,8 m^2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00023 cấp ngày 11/3/1997 do Nông trường quốc doanh C, huyện T, tỉnh Cần Thơ (cũ) nay thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nông nghiệp C, huyện C, thành phố Cần Thơ đứng tên quyền sử dụng đất.

Vị trí kích thước phần đất bị đơn phải giao trả được xác định theo hồ sơ trích đo địa chính do Trung tâm kỷ thuật tài nguyên môi trường thành phố Cần Thơ lập ngày 17/7/2019. Đất tọa lạc tại ấp 1, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Ghi nhận Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nông nghiệp C đồng ý hỗ trợ cho ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị Bé S số tiền 109.000.000đ.

Ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị Bé S được lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực.

Về chi phi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị Bé S phải nộp 5.000.000đ (giao nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ để giao trả lại cho Công ty)

Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

Buộc ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị Bé S phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nông nghiệp C được nhận lại số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 001365 ngày 14/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền –thời hạn kháng cáo và Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 bị đơn ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị Bé S cùng có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm chưa xem xét đến hoàn cảnh gia đình của ông bà, chưa xem xét đến thời gian ông bà đã quản lý sử dụng đất và chi phí đầu tư cải tạo đất từ trước đến nay. Nên quyết định cuả án sơ thẩm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, không đảm bảo được quyền có nơi ở hợp pháp của gia đình ông bà. Yêu cầy cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra bản án còn tuyên về Quyền –Thời hạn kháng cáo và Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nông nghiệp C khởi kiện yêu cầu ông Đinh Văn D vợ là bà Nguyễn Thị Bé S phải di dời nhà trả lại phần đất mà ông bà đã sử dụng do bao chiếm của Công ty diện tích là 1.932,8m^2, mặc dù Công ty đã nhiều lần ngăn chặn không cho xây cất nhưng ông bà vẫn ngang nhiên xây dựng nhà trái phép. Công ty chỉ đồng ý hổ trợ chi phí di dời cho ông bà tương đương 20% giá trị tài sản có trên đất bằng số tiền là 109.000.000đ. Phía bị đơn ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị Bé S không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, và cho rằng do có hợp đồng giao khoán đất với nông trường để sản xuất lúa nên được Nông trường cho đất cất nhà ở, do nhà cũ hư hỏng nặng nên mặc dù nguyên đơn có ngăn chặn nhưng gia đình cần có chỗ ở nên vẫn xây cất nhà để ở. Nếu nguyên đơn dòi lại hết đất thì phải trả giá trị tài sản là 900.000.000đ và cấp một nền nhà mới để ông bà tái định cư, hoặc ông bà sẻ ổn định phần đất có nhà và chuồng trại để ở và phần đất còn lại sẻ trả cho nguyên đơn. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên cấp sơ thẩm đã đưa vụ án ra xét xử theo quan hệ pháp luật "Tranh chấp quyền sử dụng đất" là có căn cứ và đúng thẩm quyền.

Sau khi án sơ thẩm xử xong nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có đơn kháng cáo. Bị đơn ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị Bé S không đồng ý với bản án sơ thẩm và cùng có đơn kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo xác định giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như trong đơn đã nêu và không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu :

Về thực hiện pháp luật Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định pháp luật kể từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm . Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các qui định của

Bộ luật tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn. Bị đơn không chứng minh được có hợp đồng giao khoán đất giữa bị đơn và nguyên đơn, nên việc bị đơn cho rằng được nguyên đơn cho ở trên đất là không có cơ sở. Bị đơn đã bao chiếm đất của nguyên đơn và mở rộng diện tích thêm từ năm 2012, nguyên đơn đã nhiều lần lập biên bản và ngăn cản nhưng bị đơn vẫn cố tình thực hiện. Từ đó cho thấy bị đơn cố tình sử dụng và xây dựng trái phép trên phần đất của nguyên đơn. Xét kháng cáo của bị đơn thì nhận thấy các yêu cầu này ở cấp sơ thẩm bị đơn không có yêu cầu phản tố nên tại cấp phúc thẩm không thể xem xét được.

Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ y bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét về nguồn gốc phần đất đang tranh chấp: Qua các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và lời thừa nhận thống nhất của các bên thì đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của phía nguyên đơn, đến tại thời điểm này Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của phía nguyên đơn chưa bị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh hay thu hồi. Do bị đơn bao chiếm và ngày càng mở rộng diện tích sử dụng, phía nguyên đơn đã nhiều lần ngăn chặn và lập biên bản yêu cầu ngưng xây dựng nhưng phía bị đơn vẫn cố tình xây dựng nhà kiên cố; nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất mà bị đơn đang sử dụng và bao chiếm; theo diện tích đất mà nguyên đơn được xác lập trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét về việc bị đơn đã ở trên đất từ năm 1996 thì nhận thấy: Trước năm 1996 anh chị của phía bị đơn có hợp đồng giao khoán đất với phía nguyên đơn nên có kêu bị đơn đến ở tại phần đất này để cùng sản xuất. Đến hết thời gian theo hợp đồng giao khoán anh chị của bị đơn đã thanh lý hợp đồng với nguyên đơn và đã di dời đi nơi khác. Riêng phía bị đơn vẫn tiếp tục ở lại phần đất đang tranh chấp, bị đơn thừa nhận là không được trực tiếp ký hợp đồng gì với nguyên đơn, chỉ trình bày là được ban lãnh đạo công ty đồng ý cho ở. Xét thấy lời trình bày này của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn không chứng minh được việc bị đơn ở trên đất này là có sự đồng ý của nguyên đơn, trong khi phía nguyên đơn đã lập biên bản ngăn chặn việc bị đơn sang lấp đất và ngày 27/6/2018 khi nguyên đơn phát hiện việc bị đơn mở rộng diện tích đất , tại biên bản này bị đơn cũng có ý kiến sẽ ngưng thi công chờ ý kiến lãnh đạo công ty, nếu công ty có thu hồi đất thì yêu cầu được bồi thường và hỗ trợ. Nhưng sau đó đến ngày 14/12/2018 thì bị đơn lại

tiếp tục đào móng xây dựng nhà (Biên bản ngày 14/12/2018). Khi biết được việc bị đơn đã ở trên đất và ngày càng mở rộng diện tích sử dụng đất của nguyên đơn, nên phía nguyên đơn đã nhiều lần làm việc với bị đơn để yêu cầu ngưng thi công xây dựng nhà, cụ thể tại biên bản đối thoại giữa công ty với bị đơn ngày 04/01/2019, nhưng phía bị đơn vẫn cố tình làm xong căn nhà kiên cố như hiện tại. Nay bị đơn nêu ra lý do là đã ở trên đất quá trình dài, nhà xây dựng kiên cố, không có chổ di dời nên không đồng ý trả lại đất cho phía nguyên đơn. Xét lý do này của bị đơn đưa ra là chưa có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ bị đơn vẫn biết đất này là của công ty, việc bị đơn ở trên đất đang tranh chấp này là không có cơ sở pháp lý nào để công nhận việc bị đơn sử dụng đất và mở rộng diện tích đất sử dụng là hợp pháp, không phải mọi trường hợp cứ ở lâu trên đất là được xác lập quyền sử dụng đất. Đối với việc bị đơn đã xây dựng nhà kiên cố thì do lỗi cố tình của bị đơn, trong khi bị đơn mới khởi công đào móng nhà thì phía nguyên đơn đã ngăn cản và lập biên bản nhưng bị đơn vẫn cố ý hoàn thiện xong căn nhà. Lẽ ra bị đơn phải ngưng xây dựng từ thời điểm đó, nay bị đơn nại ra nhà đã xây dựng kiên cố không thể di dời là không chấp nhận được.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị đơn trình bày bằng " Luận cứ" nhưng những điểm mà bị đơn nêu ra để cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không đúng với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ. Cụ thể là: Bị đơn cho rằng nguyên đơn khởi kiện theo đơn đòi 1.213m^2 nhưng cấp sơ thẩm buộc trả 1.932,8m^2. Ngay tại điểm này chính bị đơn đã mâu thuẩn trong lời trình bày của mình, vì bị đơn vẫn biết ngoài đơn khởi kiện ban đầu thì nguyên đơn còn có đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/9/2019 để xác định diện tích tranh chấp.

Ngoài ra còn cho rằng "Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ có phải cơ quan chuyên môn đo đạc mà lại đi đo đạc làm thay việc của nguyên đơn? Tòa án căn cứ vào đâu để đo vẽ thực tế khi không thuộc chức năng của mình". Về điểm này thì Hội đồng xét xử đã phân tích và giải thích cho đương sự tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không phải là cơ quan đo vẽ và bản trích đo địa chính không phải do Tòa án thực hiện. Do vậy những điểm mà bị đơn nêu ra trong bản "Luận cứ" chưa chứng minh được cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Trong đơn kháng cáo của bị đơn có nêu ra việc cấp sơ thẩm chưa xem xét chi phí đầu tư cải tạo đất của bị đơn, vấn đề này ở giai đoạn sơ thẩm bị đơn không có đơn phản tố, không đặt ra yêu cầu, bị đơn chỉ không đồng ý trả lại đất mà thôi. Do vậy bị đơn kháng cáo phần này cấp phúc thẩm không thể xem xét được. Mặt khác,

tại biên bản làm việc ngày 04/01/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn thì có thể hiện nội dung: " Nguyên đơn yêu cầu bị đơn ngưng thi công nhà chờ giải quyết của Tòa án, nếu bị đơn tiếp tục xây dựng là trái phép, nguyên đơn không chịu trách nhiệm. Nhưng hiện nay nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời cho bị đơn số tiền là 109.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Tòa án ghi nhận là có lợi cho phía bị đơn.

Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ gì mới và " Luận cứ" của bị đơn nêu ra và trình bày tại phiên tòa phúc thẩm có nội dung không đúng với các tài liệu có trong hồ sơ và mâu thuẩn với lời trình bày của bị đơn trước đây, nên không có cơ sở để cấp phúc thẩm xem xét và chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét lại.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 255, Điều 256, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2005.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Y án sơ thẩm

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị Bé S.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Nông nghiệp C.

Buộc ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị Bé S phải tháo dở, di dời tài sản trả cho Công ty TNHH MTV Nông nghiệp C phần đất diện tích 1.932,8m^2 thuộc giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số 00023 cấp ngày 11 tháng 3 năm 1997 do Nông trường quốc doanh C, huyện T, tỉnh Cần Thơ (cũ) nay thuộc Công ty TNHH MTV Nông nghiệp C, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ đứng tên quyền sử dụng đất.

Vị trí, kích thước phần đất bị đơn phải giao trả được xác định theo hồ sơ trích đo địa chính do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ lập ngày 17/7/2019. Đất tọa lạc tại ấp 1, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Ghi nhận Công ty TNHH MTV Nông nghiệp C đồng ý hỗ trợ cho ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị Bé S số tiền 109.000.000đồng.

Ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị Bé S được lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị Bé S phải nộp 5.000.000 đồng (Giao nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ để trả lại cho nguyên đơn).

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Buộc ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị Bé S phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH MTV Nông nghiệp C được nhận lại số tiền 300.000đồng theo biên lai thu số 001365 ngày 14-02-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

4.Về án phí dân sự phúc thẩm ông Đinh Văn D và bà Nguyễn Thị Bé S phải chị là 300.000đ, chuyển số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ theo biên lai thu số 012839 ngày 18/11/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ đã thu sang thành án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND TP.CT;
- TAND H. Cờ Đỏ;
- THA H. Cờ Đỏ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Bùi Thị Cẩm Thúy